

Bản án số: **10/2023/DS-ST**

Ngày: 28/4/2023

“Về việc kiện đòi tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH - TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Thanh Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Quốc Đầu và bà Phan Kim Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Mạnh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Kiều Trang; Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2023 tại: Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 138/2022/TLST-DS ngày 10 tháng 10 năm 2022, về tranh chấp đòi lại tài sản. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2023/QĐST-DS ngày 10/4/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị H, sinh năm 1984. Địa chỉ: Xóm Hồ Th, xã Tân L, huyện Tân K, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

Bà Lê Thị Kim S, sinh năm 1977. Địa chỉ: Lô 11, khu quy hoạch Đông Th, nam đường Nguyễn Viết X, phường Hưng D, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Đậu Thế C, sinh năm 1987. Địa chỉ: Phòng 2008, tầng 20, Chung cư Gia Thịnh Ph, phường Bến Th, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

- Người làm chứng: Anh Nguyễn Thanh H, sinh năm 1989. Địa chỉ: Phòng 601 C11A, phường Quang Tr, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/7/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày:

Chị H với anh C trước đây có quan hệ tình cảm với nhau, bắt đầu từ năm 2019 và kết thúc vào tháng 5 năm 2021. Trong thời gian đó thì chị H có cho anh C vay số tiền 57.700.000 đồng (Năm mươi bảy triệu bảy trăm nghìn đồng); Hai bên không làm giấy vay tiền mà chỉ trao đổi bằng miệng. Chị H cho anh C vay nhiều

lần, một lần chị H chuyển khoản từ tài khoản của chị H là 0071000635795 tại Ngân hàng Vietcombank 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) ngày 02/12/2020 vào số tài khoản của anh C là 0101001082232, số tiền vay này anh C nói vay để mua khẩu trang bán kiếm lời, một lần là chị H đưa thẻ Ngân hàng của chị H cho anh C tự rút số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) do anh C nói đến hạn trả lãi Ngân hàng nên chị H cho vay và một số lần khác chị H đưa tiền mặt cho anh C vay 9.000.000 đồng (Chín triệu đồng) sau đó Cương trả cho chị H 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) nên còn vay 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng), lần khác chị H đưa cho Cương 1.700.000 đồng (Một triệu bảy trăm nghìn đồng) để mua thuốc cho mẹ chị H, anh C mua hết 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) còn 700.000 đồng (Bảy trăm nghìn đồng), sau đó chị H đưa cho anh C 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) khi anh C đi công tác ở Thanh Hóa. Thực tế Anh C vay tiền chị H số tiền là 57.700.000 đồng (Năm mươi bảy triệu bảy trăm nghìn đồng) nhưng do anh C xin chị H số tiền lẻ 7.700.000 đồng (Bảy triệu bảy trăm nghìn đồng) nên ngày 05/7/2022 giữa chị H và anh C đã thống nhất với nhau về việc trả tiền và anh C đã nhắn tin chốt nợ với nội dung: anh C còn cầm của chị H số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng), trả hàng tháng tầm từ mùng 10 đến 15, ít nhất một tháng trả 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng). Tất cả số tiền 57.700.000 đồng (Năm mươi bảy triệu bảy trăm nghìn đồng) mà anh C vay của chị H thì anh C đã sử dụng vào công việc riêng của anh C, hoàn toàn không sử dụng vào công việc riêng của chị H. Mặc dù 02 người có quan hệ tình cảm với nhau nhưng chuyện tiền bạc giữa chị H với anh C rất rõ ràng. Trong quá trình 02 người có tình cảm với nhau thì chị H và anh C có trao đổi với nhau về việc xin chuyển trường học cho con chị H nhưng chưa nói rõ là chuyển đến trường nào, anh C cũng chưa xin chuyển trường học cho con chị H; đối với việc làm trang trại ở huyện Tân K thì 02 người mới chỉ trao đổi bằng miệng, chưa thực hiện công đoạn nào trên thực tế cả; anh C cũng chưa khi nào mua vật dụng gì cho gia đình chị H; việc đi khám bệnh ở Hà Nội cũng không liên quan đến số tiền vay 57.700.000 đồng (Năm mươi bảy triệu bảy trăm nghìn đồng). Ngoài ra, anh C cho rằng chị H đe dọa nên anh C phải nhắn tin nhắn zalo là không đúng vì trên thực tế không có sự việc đó. Nay chị H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án buộc anh Đậu Thế C phải trả lại tài sản là số tiền vay cho chị Trần Thị H số tiền 57.700.000 đồng (Năm mươi bảy triệu bảy trăm nghìn đồng).

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn - anh Đậu Thế C trình bày: Anh C quen chị Trần Thị H vào năm 2019 tại Thanh Hóa khi anh C đi công tác và chị H là công nhân. Thời điểm đó gia đình anh C có mâu thuẫn gia đình nên giữa anh C và chị H có mối quan hệ tình cảm với nhau. Mối quan hệ này bắt đầu từ cuối năm 2019 và kết thúc vào tháng 5 năm 2021. Số tiền 57.700.000 đồng (Năm mươi bảy triệu bảy trăm nghìn đồng) là số tiền chị H đưa cho anh C để nhờ anh C giải quyết các công việc riêng của chị H, không phải là số tiền

vay. Anh C đã nhận số tiền 57.700.000 đồng đồng (Năm mươi bảy triệu bảy trăm nghìn đồng) trong nhiều lần: lần thứ nhất chị H đưa thẻ ATM cho anh C rút 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) tiền mặt; lần thứ 02 thì chị H chuyển khoản cho anh C 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng); các lần sau chị H đưa cho anh C mỗi lần một ít. Vào khoảng thời gian tháng 12 năm 2020 thì dịch Covid - 19 chưa bùng phát nên anh C không mua khẩu trang để kinh doanh nên việc chị H cho rằng anh C vay tiền để mua khẩu trang là không đúng. Việc chị H có đưa cho anh C số tiền 57.700.000 đồng đồng (Năm mươi bảy triệu bảy trăm nghìn đồng) và nhờ anh C làm các công việc trong thời gian hai bên còn qua lại tình cảm với nhau, cụ thể: xin chuyển trường học cho con chị H từ trường tiểu học ở Tân K xuống học tại Trường tiểu học Bến Th, thành phố Vinh. Đối với số tiền xin học cho con chị H hết bao nhiêu tiền, xin chuyển về trường nào, xin người nào là vấn đề tế nhị nên anh C từ chối trình bày tại Tòa án; giúp chị H tham khảo và thiết kế làm trang trại chăn nuôi heo ở huyện Tân K hết khoảng 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) đến 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng); mua vật dụng trong gia đình của chị H 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) không có hóa đơn chứng từ; mua thuốc cho mẹ chị H hết khoảng từ 1.200.000 đồng (Một triệu hai trăm nghìn đồng) đến 1.300.000 đồng (Một triệu ba trăm nghìn đồng) không có hóa đơn chứng từ; chở chị H đi khám ở Hà Nội. Toàn bộ số tiền chị H đưa cho anh C thì anh C đã giải quyết công việc hết. Ngày 05 tháng 7 năm 2022, anh C đã nhắn tin cho chị H qua Zalo chốt còn cầm của chị H số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng), trả hàng tháng tầm từ mùng 10 đến 15, ít nhất một tháng trả 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) nhưng lý do anh nhắn tin zalo là chị H có thuê người đến công ty và gia đình anh C, chung cư nơi anh C đang ở để đe dọa và làm phiền gia đình anh C. Vì vậy anh C nhắn tin cầm tiền của chị H để yên chuyện và tập trung làm ăn. Do Anh C không vay tiền chị H nên không đồng ý trả cho chị H số tiền 57.700.000 đồng (Năm mươi bảy triệu bảy trăm nghìn đồng). Việc anh C bị đe dọa khi nhắn tin zalo có anh Nguyễn Thanh H chứng kiến và sau khi bị đe dọa thì anh C không trình báo với cơ quan chức năng.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Đậu Thế C yêu cầu triệu tập người làm chứng là anh Nguyễn Thanh H, Tòa án đã triệu tập anh H đến Tòa án làm việc nhưng anh H vắng mặt không có lý do nên không lấy ý kiến của anh H được. Tại phiên tòa anh C có ý kiến đề nghị xét xử vắng mặt anh Nguyễn Thanh H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Thẩm phán đã tuân thủ đúng các quy định tại BLTTDS; việc thụ lý và giải quyết vụ án đúng quy định tại Điều 26, Điều 35 BLTTDS; xác định đúng tư cách đương sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử cũng đã tuân thủ đúng các quy định của BLTTDS.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 71, 72 BLTTDS.

- Về việc giải quyết vụ án: Các điều 26, 35, 39, 147, 229, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các điều 116, 119, 166, 357, 463, 465, 466, khoản 2 điều 468 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị H buộc anh Đậu Thế C phải trả cho chị Trần Thị H số tiền là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng). Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị H đối với số tiền anh Đậu Thế C phải trả là 7.700.000 đồng (Bảy triệu bảy trăm nghìn đồng). Về án phí: Anh Đậu Thế C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu khởi kiện của chị H được chấp nhận, chị Trần Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Trần Thị H có đơn khởi kiện yêu cầu đòi lại tài sản là số tiền vay. Bị đơn là anh Đậu Thế C có đăng ký hộ khẩu thường trú tại số nhà 6, ngõ 1, đường Võ Thị S, khối 3, phường Bến Th, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An; nơi ở hiện nay tại Phòng 2008, tầng 20, Chung cư Gia Thịnh Ph, phường Bến Th, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An nên Tòa án nhân dân thành phố Vinh thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ để làm việc lấy ý kiến và tham gia phiên tòa cho anh Nguyễn Thanh H là người làm chứng theo yêu cầu của bị đơn anh Đậu Thế C nhưng anh H vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa anh Đậu Thế C đề nghị xét xử vắng mặt anh Nguyễn Thanh H. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt người làm chứng là đúng quy định tại điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị H:

Hội đồng xét xử thấy rằng: Chị Trần Thị H và anh Đậu Thế C thừa nhận hai bên có mối quan hệ tình cảm từ năm 2019 và kết thúc tháng năm 2021.

Chị H khởi kiện yêu cầu anh C phải trả lại số tiền vay là 57.700.000 đồng (Năm mươi bảy triệu bảy trăm nghìn đồng). Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh C không thừa nhận vay tiền mà chỉ thừa nhận đã cầm số tiền 57.700.000 đồng (Năm mươi bảy triệu bảy trăm nghìn đồng) để giải quyết các công việc của chị H (cụ thể: xin chuyển trường học cho con chị H từ Tân K xuống học tại thành phố Vinh; giúp chị H tham khảo và thiết kế làm trang trại chăn nuôi heo ở huyện Tân K; mua vật dụng trong gia đình của chị H; mua thuốc cho mẹ chị H; chở chị H đi khám ở Hà Nội) và đã chi trả hết số tiền này trong thời gian chị H và anh C đang có mối quan hệ với nhau. Quá trình giải quyết vụ án anh C đã xuất

trình các tin nhắn zalo nhưng không có tin nhắn zalo nào có nội dung chứng minh anh C đã sử dụng số tiền anh C cầm của chị H để thực hiện công việc của chị H như anh C đã trình bày. Ngoài ra anh C không xuất trình được tài liệu, chứng cứ gì chứng minh lời khai của mình là đúng và có căn cứ.

Theo lời trình bày của chị H và anh C đều thừa nhận: Anh C đã nhắn tin Zalo ngày 22/7/2022 với nội dung: Anh C cầm của chị H số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng), hẹn trả hàng tháng tầm từ mùng 10 đến 15, ít nhất một tháng trả 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng). Như vậy tin nhắn zalo này của anh C về thời gian và nội dung đã có sự mâu thuẫn với lời trình bày về việc anh C đã chi trả hết số tiền đã cầm của chị H cho công việc của chị H trong thời gian hai bên có tình cảm từ năm 2019 đến tháng 5 năm 2021. Theo anh C do chị H làm phiền gia đình anh, đe dọa anh nên anh C nhắn tin để được bình yên nhưng anh C không xuất trình được tài liệu chứng cứ gì để chứng minh việc chị H đe dọa anh C và gia đình anh C.

Hội đồng xét xử xác định lời trình bày của anh C và chị H về nội dung tin nhắn zalo phù hợp với tài liệu tin nhắn zalo mà chị H đã xuất trình, giao nộp cho Tòa án. Qua nội dung tin nhắn zalo thì giữa anh C và chị H đã phát sinh giao dịch dân sự, anh C đã xác định nghĩa vụ trả tiền cho chị H. Vì vậy có căn cứ để chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị H và buộc anh C phải trả cho chị H số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng). Đối với số tiền còn lại chị H yêu cầu khởi kiện là 7.700.000 đồng (Bảy triệu bảy trăm nghìn đồng) do chị H không xuất trình được tài liệu, chứng cứ chứng minh gì thêm nên không có cơ sở để chấp nhận.

[4]. Về án phí: Anh Đậu Thế C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị H được chấp nhận. Chị Trần Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Các điều 26, 35, 39, 147, 229, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các điều 116, 119, 166, 357, 463, 465, 466, khoản 2 điều 468 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị H. Buộc anh Đậu Thế C phải trả cho chị Trần Thị H số tiền là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị H đối với số tiền anh Đậu Thế C phải trả cho chị Trần Thị H là 7.700.000 đồng (Bảy triệu bảy trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền trên, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

Anh Đậu Thế C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Chị Trần Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 385.000 đồng (Ba trăm tám mươi lăm nghìn đồng). Khấu trừ số tiền 385.000 đồng (Ba trăm tám mươi lăm nghìn đồng) và trả lại cho chị Trần Thị H số tiền 1.115.000 đồng (Một triệu một trăm mười lăm nghìn đồng) trong số tiền 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị H đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vinh theo Biên lai thu tiền số 0010294 ngày 07/10/2022.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án lên Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An./.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Vinh;
- Những người tham gia tố tụng;
- Chi cục thi hành án dân sự tp Vinh;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Hà Thị Thanh Hương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA